

BÀI: VOCABULARY: FOOD & DRINKS

UNIT 3: ALL ABOUT FOOD

MÔN: TIẾNG ANH – RIGHT ON! - LỚP 6



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Trả lời câu hỏi phần Vocabulary: Food & Drinks trang 52 Tiếng Anh 6 Right on!

Vocabulary (Food and Drinks)

1. a) Label the pictures.

(Dán nhãn các bức tranh.)

biscuits

pasta

fruit juice

cucumbers

strawberries

salt



Phương pháp:

- biscuits (n): bánh quy
- pasta (n): mì ống
- fruit juice (n): nước ép hoa quả
- cucumbers (n): dưa chuột / dưa leo
- strawberries (n): dâu tây
- salt (n): muối

Lời giải chi tiết:

1. cucumbers	2. strawberries	3. fruit juice	4. pasta	5. salt	6. biscuit
--------------	-----------------	----------------	----------	---------	------------

1. b) Listen and check, then repeat. Say the words in your language.

(Nghe và kiểm tra, sau đó lặp lại. Nói các từ này bằng tiếng Việt.)

Lời giải chi tiết:

- biscuits (n): bánh quy
- pasta (n): mì ống
- fruit juice (n): nước ép hoa quả
- cucumbers (n): dưa chuột / dưa leo
- strawberries (n): dâu tây
- salt (n): muối
- onion (n): củ hành tây
- milk (n): sữa
- carrots (n): cà rốt
- potatoes (n): khoai tây
- tomatoes (n): cà chua
- lettuce (n): rau diếp
- apples (n): quả táo
- tea (n): trà
- eggs (n): trứng
- sugar (n): đường
- pepper (n): tiêu
- bread (n): bánh mì
- flour (n): bột
- butter (n): bơ
- yoghurt (n): sữa chua
- cereal (n): ngũ cốc
- oranges (n): quả cam
- chicken (n): thịt gà
- crisps (n): khoai tây chiên
- fish (n): cá
- coffee (n): cà phê
- cheese (n): phô mai
- rice (n): gạo

2. List the food/ drinks under the headings: Grain – Vegetables – Fruit – Dairy products – Animal products – Others.

(Liệt kê các thức ăn/ đồ uống dưới các tiêu đề: Ngũ cốc – Rau củ - Trái cây – Sản phẩm làm từ sữa – Sản phẩm từ động vật – Những loại khác.)

Lời giải chi tiết:

Grain (ngũ cốc)	bread, flour, cereal, rice
Vegetables (rau củ)	cucumbers, onion, carrots, potatoes, tomatoes, lettuce

Fruit (trái cây)	strawberries, apples, oranges
Dairy products (sản phẩm từ sữa)	milk, butter, yoghurt, cheese
Animal products (sản phẩm từ động vật)	eggs, chicken, fish
Others (những loại khác)	biscuits, pasta, fruit juice, salt, tea, sugar, pepper, crisps, coffee